TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ VĨNH CHÂU** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2020/HNGĐ-ST.
Ngày: 26/5/2020
V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ VĨNH CHÂU, TỈNH SÓC TRĂNG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- ***Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:*** Ông Dương Chiêu Hùng.
- ***Các Hội thẩm nhân dân:***

1/ Bà Phạm Thị Hương
2/ Bà Nguyễn Huỳnh Hoa

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Lê Anh Đô - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Diệp - Kiểm sát viên.

Trong ngày 26/5/2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm, công khai vụ án dân sự thụ lý số: 09/2020/TLST-HNGĐ, ngày 08 tháng 01 năm 2020, về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2020/QĐXXST-HNGĐ, ngày 23/3/2020; Thông báo về việc tiếp tục xét xử vụ án số 05/TB-TA ngày 20/4/2020; Quyết định hoãn phiên tòa số 19/2020/QĐST-HNGĐ ngày 08/05/2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị **Sơn Thị L**, sinh năm 1994 (có mặt)
Địa chỉ: ấp Nô P, xã T, thị xã VC, tỉnh Sóc Trăng.
- *Bị đơn*: Anh **Sơn So N**, sinh năm 1992 (vắng mặt)
Địa chỉ: ấp Nô P, xã T, thị xã VC, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 14/10/2019 (BL01), biên bản lấy lời khai ngày 13/02/2020 (BL18) cũng như quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn chị Sơn Thị L trình bày: Vào tháng 12 năm 2017 chị Sơn Thị L và anh Sơn So N có tổ chức lễ cưới, có đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, thị xã VC và được cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 19/12/2017. Sau cưới chị L về làm dâu bên nhà chồng tại ấp Nô P, xã T, thị xã VC, tỉnh Sóc Trăng, thời gian đầu vợ chồng chung sống rất hạnh phúc, nhưng đến năm 2018 thì cuộc sống không còn hạnh phúc nữa do tính tình vợ chồng không còn hợp nhau, nên thường hay cãi vã với nhau và hai người đã ly thân từ cuối tháng 12 năm 2018 cho đến nay. Trong thời gian chung sống với nhau chị L và anh N có 01 người con chung tên Sơn Hoàng P, sinh ngày 18/6/2019 (Nam) hiện cháu P đang do chị L nuôi dưỡng. Về tài sản chung, nợ chung không có.

Nay chị L nhận thấy tình cảm vợ chồng rạn nứt, không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được do đó yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị L được ly hôn với anh N. Về con chung chị L yêu cầu được nuôi con, không yêu cầu anh N phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung, nợ chung không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh N, nhưng anh N không có văn bản gửi cho Tòa án để trình bày ý kiến về yêu cầu khởi kiện của chị L, đồng thời anh N cũng không đến tham gia phiên hòa giải cũng như tham gia phiên tòa.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Vĩnh Châu xác định: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng pháp luật tố tụng dân sự. Từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn chấp hành đúng pháp luật, tuy nhiên sự chấp hành pháp luật của bị đơn chưa đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự , đề nghị Tòa án chấp nhận cho chị L được ly hôn với anh N, giao cho chị L nuôi dưỡng cháu Sơn Hoàng P, ghi nhận sự tự nguyện của chị L không yêu cầu anh N phải cấp dưỡng nuôi con chung, tài sản chung, nợ chung không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tòa án đã tống đạt hợp lệ Giấy triệu tập xét xử đến lần thứ hai cho anh N, nhưng anh N vẫn vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự xét xử vắng mặt anh N.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Xét yêu cầu khởi kiện của chị Sơn Thị L, nhận thấy hôn nhân của chị L và anh N là do hai bên gia đình mai mối, có tổ chức lễ cưới vào năm 2017 có đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, thị xã VC, tỉnh Sóc Trăng và được cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 19/12/2017. Quan hệ hôn nhân của chị L và anh N không vi phạm các điều kiện kết hôn theo quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Nhưng sau một thời gian chung sống, đến cuối tháng 12 năm 2018 vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân chính là do tính tình vợ chồng không còn hòa hợp với nhau thường hay xảy ra mâu thuẫn cãi vã nhau. Chị L nhận thấy cuộc sống chung không hạnh phúc, không còn tình cảm vợ chồng với anh N nên có nguyện vọng ly hôn. Chị L và anh N đã không còn chung sống với nhau từ cuối năm 2018 cho đến nay. Hội đồng xét xử đã phân tích động viên chị L suy nghĩ lại, hàn gắn tình cảm vợ chồng với anh N, nhưng chị L vẫn cương quyết ly hôn, từ đó cho thấy tình trạng hôn nhân giữa các bên trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị L được ly hôn với anh N.

[3] Về con chung: Thời gian chung sống với nhau chị L và anh N có 01 người con chung tên Sơn Hoàng P, sinh ngày 18/6/2019 (Nam) hiện đang do chị L nuôi dưỡng. Chị L yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung đến tuổi trưởng

thành, không yêu cầu anh N phải cấp dưỡng nuôi con chung. Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình, chấp nhận yêu cầu được nuôi con của chị L. Tại phiên Tòa, chị L không yêu cầu anh N phải cấp dưỡng nuôi con chung. Xét thấy, chị L hiện có việc làm, thu nhập ổn định, đảm bảo đủ điều kiện nuôi con nên việc chị L không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con chung, Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện của chị L không yêu cầu anh N phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[4] Về tài sản chung: Chị L khẳng định không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Về nợ chung: Chị L khẳng định nợ chung không có, không yêu cầu Tòa giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Từ những phân tích nêu trên, xét yêu cầu của nguyên đơn, đề nghị của Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Vĩnh Châu là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Án phí sơ thẩm: Chị L phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTV Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Khoản 3 Điều 36, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 1 Điều 273, khoản 1 Điều 280 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Căn cứ vào điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Sơn Thị L.

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Sơn Thị L được ly hôn với anh Sơn So N.
- Về con chung: Giao con chung Sơn Hoàng P, sinh ngày 18/6/2019 (Nam) cho chị Sơn Thị L trực tiếp nuôi dưỡng đến khi cháu P đủ 18 tuổi.

Anh Sơn So N không phải cấp dưỡng nuôi con, anh N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở. Anh N không được lạm dụng việc thăm nom con chung để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Sơn Hoàng P của chị Sơn Thị L thì chị L có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom.

- Về tài sản chung: Chị L khẳng định không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.
- Về nợ chung: Chị L khẳng định nợ chung không có, không yêu cầu Tòa giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

2/ Về án phí sơ thẩm: Chị Sơn Thị L phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị L đã nộp 300.000 đồng, theo Biên lai số 0000662, ngày 08/01/2020 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Vĩnh

Châu, tỉnh Sóc Trăng. Như vậy, chị L đã thực hiện xong nghĩa vụ nộp án phí. Anh Sơn So N không phải chịu án phí sơ thẩm.

3/ Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ, để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:
- TAND tỉnh ST (Phòng KTNV&THA);
- VKSND thị xã Vĩnh Châu;
- Đương sự;
- Chi cục THADS thị xã Vĩnh Châu;
- UBND xã T, TX Vĩnh Châu;
- Lưu HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Dương Chiêu Hùng